

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN NAM
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05A/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/01/2021.

Về việc: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Chánh Ngôn;
2. Ông Nguyễn Thanh Phương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hàm Thuận Nam tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Ry – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Hàm Thuận Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 375/2020/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Phạm Thị Mai A – sinh năm 1966** (có mặt)

- *Bị đơn:* **Ông Phạm Thanh B – sinh năm 1960** (có mặt)

Cùng địa chỉ: số 100, thôn C, xã D, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

NỘI F VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Phạm Thị Mai A trình bày: bà và ông Phạm Thanh B tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1990, do không hiểu biết pháp luật nên không đăng kí kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng từ 4-5 năm trở lại đây, ông B thường xuyên uống rượu và có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập chửi bới, xúc phạm danh dự nhân phẩm của bà rất nhiều lần, hai vợ chồng đã sống ly thân từ 01 năm nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Về con chung: bà và ông Phạm Thanh B có 03 con chung gồm Phạm Thị Thúy E, sinh ngày 17/11/1991; Phạm Thị Thúy F, sinh ngày 29/10/1993; và Phạm Thanh G sinh ngày 03/10/1995. Hiện nay 03 con đã trưởng thành, có cuộc sống độc lập nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị

đơn là ông Phạm Thanh B trình bày: Ông và bà Phạm Thị Mai A tự nguyện chung sống từ năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Hiện nay hai bên vẫn còn ở chung một nhà nhưng sống ly thân từ 01 năm nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay bà A yêu cầu xin ly hôn nên ông đồng ý.

Về con chung: ông và bà A có 03 con chung tên Phạm Thị Thúy E, sinh ngày 17/11/1991; Phạm Thị Thúy F, sinh ngày 29/10/1993; và Phạm Thanh G sinh ngày 03/10/1995. Hiện nay 03 con đã trưởng thành, có cuộc sống độc lập nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: ông không yêu cầu giải quyết.

Vụ án đã được hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam phát biểu ý kiến:

Về phần thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện các thủ tục đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội F vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Mai A và ông Phạm Thanh B;

Về con chung: Bà Phạm Thị Mai A và ông Phạm Thanh B có 03 con chung tên Phạm Thị Thúy E, sinh ngày 17/11/1991; Phạm Thị Thúy F, sinh ngày 29/10/1993; và Phạm Thanh G sinh ngày 03/10/1995. Hiện nay 03 người con đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Phạm Thị Mai A nộp đơn xin ly hôn với ông Phạm Thanh B (Cư trú tại: số 100, thôn C, xã D, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận), căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy bà Phạm Thị Mai A và ông Phạm Thanh B chung sống với nhau từ năm 1990. Tại thời điểm chung sống hai bên đã hội đủ điều kiện kết hôn nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Điều này được các bên thừa nhận và được chính quyền địa phương nơi các bên chung sống

xác nhận tại Văn bản số 363/UBND ngày 15/12/2020 của UBND xã D, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Mai A và ông Phạm Thanh B không được pháp luật công nhận là vợ chồng và cũng không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, hiện nay bà Phạm Thị Mai A và ông Phạm Thanh B đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm để chung sống với nhau. Do vậy, cần áp dụng các quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Mai A và ông Phạm Thanh B.

[2.2] Về yêu cầu nuôi con: Bà Phạm Thị Mai A và ông Phạm Thanh B có 03 người con chung tên Phạm Thị Thúy E, sinh ngày 17/11/1991; Phạm Thị Thúy F, sinh ngày 29/10/1993; và Phạm Thanh G sinh ngày 03/10/1995 đã trưởng thành và có cuộc sống độc lập. Bà Phạm Thị Mai A và ông Phạm Thanh B đều không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản và nghĩa vụ chung: Bà Phạm Thị Mai A và ông Phạm Thanh B không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thị Mai A chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Mai A và ông Phạm Thanh B.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Mai A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008695 ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam. Bà Phạm Thị Mai A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự,

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự
- VKSND Hàm Thuận Nam
- VKSND tỉnh Bình Thuận
- THADS Hàm Thuận Nam
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nàng Hương